

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 86/2021/DS-ST

Ngày 06/9/2021

“V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG, TỈNH ĐẮK NÔNG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hà;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Cần Thị Thành và ông Hoàng Minh Hải

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Song;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm - Kiểm sát viên

Ngày 06 tháng 9 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 508/2020/TLST- DS ngày 04 tháng 11 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 101/2021/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2021/QĐST-DS ngày 09/8/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam.

Trụ sở: Tầng 8, Tòa nhà V, đường M, phường B, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam: Ông Phan Minh T - Giám đốc Phòng giao dịch là người đại diện theo giấy ủy quyền số 320/2020/E -BMT/UQ-GĐ ngày 07/12/2020 của Giám đốc Chi nhánh - Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam; đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: 114, đường A, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắc Lắc.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1956.

Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 28 tháng 5 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án ông Phan Minh T người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 25/9/2018 Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam - Chi nhánh Đ – Phòng giao dịch D với bà Nguyễn Thị L đã ký Hợp đồng tín dụng số 1207-LAV-180014927 ngày 25/09/2018, Khế ước nhận nợ số 1207- LDS-20180000098 ngày 25/09/2018 với số tiền vay gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất cho vay 0.92%/tháng (11.04% /năm trên cơ sở 360 ngày tương đương 11.2%/năm trên cơ sở một năm 365 ngày), lãi suất thay đổi tháng/lần, giảm 1.3%/năm trong suốt thời gian vay 12 tháng; lãi suất quá hạn là 150% lãi suất cho vay

trong hạn, mục đích vay phục vụ nông nghiệp, phương thức trả gốc, lãi một lần khi đến hạn. Quá trình thực hiện hợp đồng bà L không trả gốc và lãi như thỏa thuận trong hợp đồng. Đến kỳ trả nợ theo hợp đồng bà L không trả nên toàn bộ khoản vay trên Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn theo quy định. Khoản vay này Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam chưa bán nợ cho Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC). Để đảm bảo cho khoản vay trên bà Nguyễn Thị L đã thế chấp tài sản thuộc quyền sở hữu của mình để vay vốn tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 274/2018/ B-LD-HĐTC ngày 24/09/2018 Công chứng tại Văn Phòng Công chứng Đ ngày 24/09/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/09/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay trên gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 767065, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 192751 QSDĐ/JH03 do UBND huyện Đ cấp ngày 22/06/1998, diện tích 6972 m² (Đất ở tại nông thôn: 300m²; Đất trồng cây lâu năm: 6672m²). Tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 12, tại Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đã cập nhật biến động ngày 31/3/2010, ngày 09/9/2010 và ngày 15/9/2017.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 767067, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 192752/QSDĐ/JH03 do UBND huyện Đ cấp ngày 22/06/1998, diện tích 15.080 m² (Đất trồng cây lâu năm). Tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, tại thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đã cập nhật biến động ngày 06/12/2010 và ngày 15/9/2017.

Để đảm bảo về nguồn vốn, Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam tổng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 1.040.559.264 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi triệu năm trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi tư đồng*) trong đó: Tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); lãi trong hạn là 78.400.000 đồng; lãi quá hạn lãi 16.952.525 đồng; lãi quá hạn gốc là 245.206.739 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 06/9/2021.

Bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh đã thỏa thuận trong HĐTD số 1207-LAV-180014927 ngày 25/09/2018, Khế ước nhận nợ số 1207-LDS-20180000098 ngày 25/09/2018, kể từ ngày 07/9/2021 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

- Trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc thực hiện trả nợ không đầy đủ. Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm tại Hợp đồng thế chấp tài sản số 274/2018/E-LD-HĐTC ngày 24/09/2018 được Công chứng tại Văn Phòng Công chứng Đ ngày 24/09/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/09/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng thu hết nợ, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân hợp pháp khác của bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ

Bị đơn bà Nguyễn Thị L trình bày: Qua xác minh tại địa phương thì bà Nguyễn Thị L có đăng ký hộ khẩu thường tại Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, còn sinh sống tại địa phương. Tuy nhiên, bà L thỉnh thoảng vắng nhà, lý do bà hay đi khám, chữa bệnh. Do không tổng đạt được trực tiếp các văn bản tố tụng nên Tòa án tiến hành niêm yết theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bà L không chấp hành cũng không cung cấp các thủ tục ủy quyền hay thủ tục xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định, đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Tại phiên toà đại diện Viện kiểm sát nhân dân nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý giải quyết vụ án đến khi xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng. Nguyên đơn chấp hành tốt quá trình quá trình tham gia tố tụng; bị đơn chưa chấp hành tốt quá trình tham gia tố tụng.

Về nội dung: Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 177; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, Điều 323 Bộ luật dân sự;

Đề nghị: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam tổng số tiền cả gốc và lãi do vi phạm Hợp đồng tín dụng là 1.040.559.264 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi triệu năm trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi tư đồng*) trong đó: Tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); lãi trong hạn là 78.400.000 đồng; lãi quá hạn lãi 16.952.525 đồng; lãi quá hạn gốc là 245.206.739 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 06/9/2021.

Về các vấn đề khác đề nghị HĐXX giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ý kiến khắc phục khác: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

I. Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.040.559.264 đồng. Hiện nay, bà L có đăng ký hộ khẩu tại xã H. Vì vậy, quan hệ pháp luật tranh chấp được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” được quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật Tố tụng dân sự.

[2] Về chấp hành pháp luật của bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn có mặt tại địa phương. Tuy nhiên, cố tình trốn tránh không chấp hành giấy triệu tập của Tòa

án. Vì vậy, để có căn cứ giải quyết vụ án, Tòa án đã lập biên bản về việc không tổng đạt được các văn bản tố tụng, tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 173, Điều 174, Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 70, Điều 72 của BLTTDS.

[3] Xét nội dung tranh chấp:

[3.1] Căn cứ Hợp đồng tín dụng số 1207-LAV-180014927 ngày 25/09/2018, Khế ước nhận nợ số 1207-LDS-20180000098 ngày 25/09/2018 thì khoản vay trên của bà L đã để quá hạn, Ngân hàng đã thông báo thu hồi nợ nhiều lần nhưng không có kết quả; tính đến ngày xét xử bà L còn nợ Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam số tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); lãi trong hạn là 78.400.000 đồng; lãi quá hạn lãi 16.952.525 đồng; lãi quá hạn gốc là 245.206.739 đồng, thời hạn tính lãi tính đến ngày 06/9/2021. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam là có căn cứ nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng (*có bảng tính lãi cụ thể nộp cho Tòa án đến ngày xét xử*).

[3.2] Xét Hợp đồng thế chấp số 274/2018/E-LD-HĐTC ngày 24/09/2018 thì bà Nguyễn Thị L đã dùng tài sản của mình là quyền sử dụng đất để bảo đảm cho khoản vay theo hợp đồng tín dụng đã được lập thành văn bản, được đăng ký thế chấp theo quy định. Trường hợp đến hạn mà không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì có quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ. Qua xem xét thẩm định tại chỗ đo đạc thực tế thì tài sản thế chấp trên có diện tích đúng với diện tích bà L được cấp theo các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và là tài sản hợp pháp của bà L đã thế chấp, phù hợp với quy định tại Điều 317, Điều 318, Điều 323 Bộ luật dân sự.

[3.3] Về số tiền lãi chậm trả kể từ ngày 07/9/2021. Theo hướng dẫn tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thông qua ngày 17/10/2016 thì bà L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 1207-LAV-180014927 ngày 25/09/2018, Khế ước nhận nợ số 1207-LDS-20180000098 ngày 25/09/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì bà L phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi điều chỉnh theo quy định của Ngân hàng như đã thể hiện trong hợp đồng cho đến khi trả xong nợ.

[3.4] Trường hợp sau khi bản án có hiệu lực pháp luật mà bà Nguyễn Thị L không trả nợ cho Ngân hàng theo quy định thì Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

[3.5] Trường hợp tài sản thế chấp không đủ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản hợp pháp khác của bà Nguyễn Thị L để thi hành án thu hồi nợ cho Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ theo quy định.

[4] Xét quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

[5] *Về chi phí tố tụng*: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là 3.000.000 đồng, Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam đã nộp tạm ứng toàn bộ số tiền trên, bà Nguyễn Thị L phải chịu toàn bộ số tiền trên nên cần buộc bà Nguyễn Thị L phải hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*).

[6] *Về án phí*: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với tổng số tiền gốc và lãi là 1.040.559.264 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi triệu năm trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi tư đồng*) = 36.000.000 đồng + (3 % của phần giá trị tranh chấp vượt quá 800.000.000 đồng (là 240.559.264 đồng x 3%) = 43.216.777 đồng. Vậy, án phí phải chịu là 43.216.777 đồng (*Bốn mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 70, 72, Điều 147, Điều 157, Điều 173, Điều 174, Điều 177, 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; Điều 271 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 95 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010, sửa đổi, bổ sung năm 2017;

Áp dụng các Điều 298, Điều 299, Điều 317, Điều 318, 319, 320 Điều 323 Bộ luật dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam Buộc bà Nguyễn Thị L phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam tổng số tiền cả gốc và lãi là 1.040.559.264 đồng (*Một tỷ, không trăm bốn mươi triệu năm trăm năm mươi chín nghìn hai trăm sáu mươi tư đồng*), trong đó: Tiền gốc là 700.000.000 đồng (*Bảy trăm triệu đồng*); lãi trong hạn là 78.400.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu, bốn trăm nghìn đồng*); lãi quá hạn lãi 16.952.525 đồng (*Mười sáu triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn năm trăm hai mươi lăm đồng*); lãi quá hạn gốc là 245.206.739 đồng (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu, hai trăm linh sáu nghìn, bảy trăm ba mươi chín đồng*), thời hạn tính lãi tính đến ngày 06/9/2021.

Kể từ ngày 07/9/2021, bà Nguyễn Thị L còn phải chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng số 1207-LAV-180014927 ngày 25/09/2018, Khế ước nhận nợ số 1207-LDS-20180000098 ngày 25/09/2018 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng thì lãi suất mà bà Nguyễn Thị L phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng.

Trong trường hợp bà Nguyễn Thị L không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số 274/2018/E-LD-HĐTC ngày 24/09/2018 được Công chứng tại Văn Phòng Công chứng Đ ngày 24/09/2018 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/09/2018 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ.

Tài sản bảo đảm để xử lý và thu hồi nợ theo Hợp đồng thế chấp trên gồm:

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 767065, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ: 192751 QSDĐ/JH03 do UBND huyện Đ cấp ngày 22/06/1998, diện tích 6972 m² (Đất ở tại nông thôn: 300m²; Đất trồng cây lâu năm: 6672m²). Tại thửa đất số 14, tờ bản đồ số 12, tại thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đã cập nhật biến động ngày 31/3/2010, ngày 09/9/2010 và ngày 15/9/2017.

- Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: M 767067, sổ vào sổ cấp giấy chứng nhận QSDĐ 192752/QSDĐ/JH03 do UBND huyện Đ cấp ngày 22/06/1998, diện tích 15.080 m² (Đất trồng cây lâu năm). Tại thửa đất số 30, tờ bản đồ số 12, tại thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Đã cập nhật biến động ngày 06/12/2010 và ngày 15/9/2017.

Trường hợp xử lý tài sản thế chấp không đủ để Ngân hàng thu hết nợ, thì yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý các nguồn thu, tài sản cá nhân hợp pháp khác của bà Nguyễn Thị L để thu hồi nợ theo quy định.

2. Về chi phí tố tụng khác: Căn cứ khoản 1 Điều 157 BLTTDS: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng, buộc bà Nguyễn Thị L phải chịu và hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam số tiền 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) mà Ngân hàng đã nộp tạm ứng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bà Nguyễn Thị L phải nộp 43.216.777 đồng (*Bốn mươi ba triệu hai trăm mười sáu nghìn bảy trăm bảy mươi bảy đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần X Việt Nam số tiền 19.040.000 đồng (*Mười chín triệu, không trăm bốn mươi nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001943 ngày 25/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Đường sự;
- Lưu HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà